

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	- Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh/ Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	- Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh/ Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	- Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh/ Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	- Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh/ Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	1.012498	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	- Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Điều 7 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh
6	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã	- Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	- Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025		
7	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	- Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh
8	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	- Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh
9	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	- Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh
10	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh
11	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	- Điểm a khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh
12	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	- Điểm a khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			- Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025		
13	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	- Điểm b khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh
14	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	- Điểm b khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh
15	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	- Điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh
16	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	- Điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh
17	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			BNNMT ngày 19/6/2025		
18	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT- BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp tỉnh
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	- Điều 23 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Điều 6 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025	Tài nguyên nước	UBND cấp xã

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.001740	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	Điều 21 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	1.001645	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)				